

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2023/HC-PT

Ngày: 09 - 01 - 2023

V/v: Khiếu kiện hành vi hành chính  
trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Mai Anh Tuấn

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Vũ Hà Nam

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh  
Nam Định

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:**  
Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 10-01-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc  
thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý 06/2022/TLPT-HC ngày 28 tháng 11  
năm 2022 về việc “ Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà  
nước về đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXPT-HC  
ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Vũ Ngọc B, sinh năm 1958. Địa chỉ: Xóm Xương  
Cau, xã T, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Vũ Thế M - Chủ tịch UBND xã.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lã Thị Kim P, sinh năm 1966;

2. Anh Vũ Duy T, sinh năm 1986;

3. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Xóm Xương Cau, xã T, huyện H tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên  
quan:* Ông Vũ Ngọc B - Là người khởi kiện trong vụ án.

Tại phiên tòa: ông Vũ Ngọc B có mặt, UBND xã T có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25-11-2021, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Vũ Ngọc B trình bày:*

Hộ ông Vũ Ngọc B được ông nội là cụ Vũ Ngọc B1 giao sử dụng thửa đất số 199 và thửa đất số 202 đều thuộc tờ bản đồ số 8 xã T từ nhiều năm trở lại đây. Năm 1997, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ ông B đối với hai thửa đất trên, trong đó: Thửa 199 tờ bản đồ số 8 diện tích 70 m<sup>2</sup>; thửa 202 tờ bản đồ số 8 diện tích 716 m<sup>2</sup>. Quá trình sử dụng, xét thấy diện tích được công nhận quyền sử dụng đất của cả hai thửa đất trên đều có sự sai lệch, đều còn thiếu so với bản đồ địa chính 299 lập năm 1985 nên ông đã khởi kiện vụ án Hành chính. Tại Bản án số 08/2021/HC-ST ngày 20-8-2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã tuyên hủy GCNQSDĐ số L 238903 ngày 20/5/1997 của UBND huyện H đã cấp cho hộ ông b.

Ngày 01-9-2021, ông B đã làm đơn với tiêu đề “Đơn đề nghị giải quyết sai lệch diện tích đất” gửi đến UBND xã T. Trong đơn, ông B trình bày: Căn cứ nguồn gốc hình thành, giấy tờ mua bán đất do cụ B1 là người trực tiếp giao dịch để lại thì UBND xã T tính sai diện tích thửa đất số 785 cho hộ bà B2 (tức L) ngay từ thời điểm lập bản đồ 299 năm 1985. Vì vậy, thửa đất số 202 tờ bản đồ số 8 xã T thuộc quyền sử dụng của hộ ông B hiện đang bị sai lệch độ dài cạnh, thiếu hụt diện tích đất khoảng 25,1 m<sup>2</sup> về phía đông tại vị trí tiếp giáp đất bà L.

Ngày 11-11-2021, UBND xã T đã mời ông B đến trụ sở để làm việc. Tại buổi làm việc, tất cả các đại diện ban ngành tham gia, đại diện UBND xã đã phủ nhận toàn bộ hai nội dung trong đơn ông B trình bày. Ngay sau buổi làm việc, đại diện UBND xã T đã phê “trả lại đơn sau khi giải thích, hướng dẫn” đồng thời trả lại đơn cho ông B.

Cũng tại buổi làm việc, không nhất trí với ý kiến của các thành phần tham gia nên ông B đã trình bày sẽ tiếp tục khiếu kiện đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết sai lệch diện tích mảnh 202.

Mặc dù trước và sau khi nộp đơn yêu cầu giải quyết sai lệch diện tích đất, ông Bàn không có đơn đề nghị nào khác về việc đề nghị UBND xã T hòa giải tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với hộ bà L (B2). Trong đơn đề nghị giải quyết sai lệch diện tích đất ghi ngày 01-9-2021 ông B cũng không ghi rõ yêu cầu hòa giải nhưng với các nội dung đã trình bày trong đơn, UBND xã T nhận đơn thì phải có trách nhiệm hướng dẫn ông B làm đơn lại; hướng dẫn ông B đề nghị cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết. Hoặc trước vấn đề ông B nêu ra thì UBND xã phải tổ chức đo đạc, xem xét thẩm định thực tế để giải quyết các nội

dung ông B yêu cầu. Tại buổi làm việc ngày 11-11-2021, do các ban ngành tham gia đều phủ nhận tất cả các nội dung ông B nêu ra và trả lại đơn nên ông B cũng không yêu cầu xã hòa giải mà gửi đơn khởi kiện đến Tòa án đối với hành vi không hòa giải tranh chấp đất đai của UBND xã T. Sau khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện, ngày 19-8-2022, ông B nhận được giấy mời của UBND xã T về việc đến UBND xã tham gia hòa giải tranh chấp theo yêu cầu mà ông Bàn đã trình bày tại Tòa án. Do đã khởi kiện nên ông B không đến tham gia hòa giải mà chờ kết quả giải quyết của Tòa án.

Ngoài ra, ngày 06-10-2021, ông B gửi đơn đến UBND xã T với tiêu đề “Đơn đề nghị tính lại diện tích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 199 tờ bản đồ số 8 xã T”. Nội dung đơn ông B đề nghị: Căn cứ nguồn gốc và hiện trạng sử dụng, đề nghị UBND xã T, phòng Tài nguyên môi trường huyện H, UBND huyện H tính lại diện tích mảnh 199 và cấp lại GCNQSDĐ mảnh 199 với diện tích 104m<sup>2</sup> cho hộ ông B. Sau khi nhận đơn, UBND xã T không mời ông B đến làm việc, không trả lời đơn của ông B. Nay ông B đề nghị Toà án:

1. Buộc UBND xã T phải tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa hộ ông Vũ Ngọc B và hộ ông Vũ Văn B2 (hộ bà L) đối với thửa đất số 202 tờ bản đồ số 8 xã T.

2. Buộc UBND xã T phải xác nhận vào đơn “Đơn đề nghị tính lại diện tích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 199 tờ bản đồ số 8 xã T” và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 199 tờ bản đồ số 8 xã T diện tích 104 m<sup>2</sup> của ông Vũ Ngọc B.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 06-6-2022, lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện theo pháp luật của người bị kiện, ông Vũ Thế M trình bày:*

Ngày 08-9-2021, UBND xã T nhận được “Đơn đề nghị giải quyết sai lệch diện tích đất” của ông Vũ Ngọc B ghi ngày 01-9-2021. Với 02 nội dung chính trong đơn như ông B đã trình bày thì không có yêu cầu UBND xã T phải tiến hành hòa giải tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông B với hộ bà L (B2). UBND xã không buộc phải biết ý định, mong muốn của ông B khi làm đơn mà giải quyết sự việc căn cứ nội dung đơn yêu cầu. Sau khi nghiên cứu đơn, UBND xã T đã bố trí thành phần gồm đại diện các ban ngành, mời ông B đến trụ sở làm việc vào ngày 11-11-2021. Tại buổi làm việc, đại diện các thành phần tham gia đã phân tích về diễn biến sử dụng, diện tích đất theo hồ sơ địa chính đối với hai thửa đất mà ông B trình bày có sai lệch. Bản thân ông B cũng không trình bày yêu cầu, đề nghị UBND xã hòa giải mà chỉ nói không nhất trí với ý kiến tham gia của các ban ngành, sẽ tiếp tục khiếu kiện. Từ đó đến nay, ông B không có đơn đề nghị hòa giải nào khác. Sau khi tiếp cận chứng cứ tại Tòa, biết nguyện vọng của ông B mong muốn hòa giải, UBND xã T đã gửi giấy mời nhưng ông B không đến tham gia nên UBND xã không tiến hành hòa giải được. Với các tình tiết diễn biến nêu trên, việc ông B khởi kiện UBND xã T về hành vi không tiến hành hòa giải, UBND xã T không nhất trí, đề nghị Tòa án bác yêu

cầu này của ông B.

Ngoài ra, ngày 08-10-2021, UBND xã T nhận được “Đơn đề nghị tính lại diện tích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 199 tờ bản đồ số 8 xã T” của ông Vũ Ngọc B. Trong đơn, ông B đề nghị các cấp chính quyền trong đó có UBND xã T tính lại diện tích đất thuộc thửa 199 tờ bản đồ số 8 cho hộ ông B và cấp lại GCNQSDĐ cho hộ ông B với diện tích thửa 199 là 104m<sup>2</sup>. Như vậy, với đơn này, ông B yêu cầu UBND xã T phải công nhận diện tích thửa 199 của hộ ông B diện tích 104m<sup>2</sup> đồng thời cấp giấy chứng nhận diện tích đất này cho hộ ông B. Với những nội dung tại các đơn đề nghị ông B, ngày 11-11-2021, UBND xã T đã mời ông B đến làm việc để giải quyết toàn bộ các vấn đề mà ông B đề nghị. Tại buổi làm việc, trên cơ sở báo cáo của địa chính xã, xem xét hồ sơ địa chính đối với hai thửa đất, đại diện UBND xã và các ban ngành đoàn thể đều trình bày ý kiến nhưng ông B không nhất trí. Nội dung chính và kết quả buổi làm việc được ghi lại bằng biên bản có chữ ký của các thành phần tham gia trong đó có ông B.

Như vậy, các nội dung có trong đơn đề nghị ghi ngày 01-9-2021 và đơn đề nghị ghi ngày 06-10-2021 của ông B, UBND xã T đã mời ông B lên làm việc, do không đủ cơ sở, không thuộc thẩm quyền nên UBND xã T đã trả lại đơn cho ông B trong cùng ngày 11-11-2021. Vì vậy, UBND xã T đề nghị Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của ông B.

Từ nội dung vụ án nêu trên, Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 100, Điều 166, Điều 195, Điều 196, Điều 197, khoản 2 Điều 202 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 18; khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 60; Điều 88 Nghị định 43/CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015.

#### 1. Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc B:

1.1. Bác yêu cầu về việc buộc UBND xã H tiến hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai giữa hộ ông B và hộ bà L (B2) đối với thửa đất số 202 tờ bản đồ số 8 xã T

1.2. Bác yêu cầu buộc UBND xã T công nhận thửa đất 199 tờ bản đồ số 8 xã T diện tích 104m<sup>2</sup> và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ với diện tích đất này cho hộ ông B

Ngày 22/9/2022, ông Vũ Ngọc B làm đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H. Lý do của việc kháng cáo ông B cho là chưa được thỏa đáng trong việc làm rõ trách nhiệm của UBND xã T trong giải quyết đơn thư khiếu nại.

Tại phiên tòa, ông Vũ Ngọc B trình bày: Tôi giữ nguyên nội dung kháng cáo và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính. Bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Ngọc B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Vũ Ngọc B: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H. Lý do của việc kháng cáo ông B cho là chưa được thỏa đáng trong việc làm rõ trách nhiệm của UBND xã T trong giải quyết đơn thư khiếu nại. Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của ông B, HĐXX nhận định về từng vấn đề như sau:

[2.1] Về yêu cầu buộc UBND xã T thực hiện hành vi hòa giải tranh chấp đất đai: UBND cấp xã do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu, là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương. Trong lĩnh vực đất đai, UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn gồm: Quản lý quỹ đất công ích, quản lý đất chưa sử dụng, xác định nguồn gốc đất đai và hiện trạng đất đai, xử lý vi phạm hành chính, tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai, thực hiện một số công đoạn trong thủ tục hành chính về đất đai. Như vậy, khi tổ chức, cá nhân có tranh chấp về quyền sử dụng đất, có đơn yêu cầu hòa giải thì việc hòa giải tranh chấp đất đai cũng là một trong những nhiệm vụ bắt buộc của UBND cấp xã. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai đối với UBND cấp xã được quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 và Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

Mặc dù pháp luật không quy định cụ thể, để UBND xã tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai thì người yêu cầu phải nộp những văn bản giấy tờ gì. Tuy nhiên, điều kiện cơ bản thì người yêu cầu phải có đơn yêu cầu trong đó thể hiện rõ yêu cầu đề nghị UBND xã tổ chức hòa giải tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các chủ thể được xác định. Trong khi đó, quá trình giải quyết vụ án, ông B công

nhận chỉ gửi duy nhất “Đơn đề nghị giải quyết sai lệch diện tích đất” đề ngày 01/9/2021 đến UBND xã T. Mặc dù ông B trình bày, mục đích gửi đơn đến UBND xã T là đề nghị xem xét lại nguồn gốc hình thành, các căn cứ pháp lý khác để hòa giải tranh chấp, làm rõ diện tích sai lệch giữa hộ ông B và hộ bà B2 liên quan đến thửa đất 202 tờ bản đồ số 8 xã T thuộc quyền sử dụng của gia đình ông. Tuy nhiên, với 02 nội dung chính trong đơn như ông B đã trình bày thì không có yêu cầu nào về việc đề nghị UBND xã T phải tiến hành hòa giải tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ ông B với hộ bà L (B2). UBND xã không buộc phải biết ý định, mong muốn của ông B khi làm đơn mà giải quyết sự việc căn cứ nội dung đơn yêu cầu là đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, tại buổi làm việc ngày 11-11-2021, do không biết nguyện vọng hòa giải của ông B nên trong nội dung làm việc không đề cập đến vấn đề này; ông B có tham gia ngay từ đầu cho đến cuối buổi làm việc nhưng cũng không nêu rõ mục đích, nguyện vọng khi làm đơn là đề nghị hòa giải. Ông B đã được trả lại đơn, không khiếu nại, không đề nghị gì khác. Sau khi tiếp cận tài liệu chứng cứ tại Tòa án, biết được nguyện vọng của ông B, UBND xã T đã mời ông B, bà L đến trụ sở UBND xã tham gia hòa giải nhưng ông B không đến. Do đó, yêu cầu của ông B buộc UBND xã T thực hiện hành vi hòa giải tranh chấp đất đai khi chưa có văn bản thể hiện rõ nội dung yêu cầu là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu buộc UBND xã T thực hiện hành vi công nhận và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ: Bằng “Đơn đề nghị tính lại diện tích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 199 tờ bản đồ số 8 xã T”, ông Vũ Ngọc B đã căn cứ nguồn gốc và hiện trạng sử dụng, đề nghị UBND xã T, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, UBND huyện H tính lại diện tích thửa đất số 199 và cấp lại GCNQSDĐ thửa 199 với diện tích 104m<sup>2</sup> cho hộ ông B. Ngoài đơn này, ông B không nộp đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo mẫu Nhà nước ban hành.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và tài liệu do Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử xác định: Từ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định tiến hành khi giải quyết vụ án Hành chính năm 2021 có liên quan đến thửa đất này cho đến kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân huyện H tiến hành khi giải quyết vụ án, hiện trạng thửa đất số 199 tờ bản đồ số 8 xã T đều không đủ diện tích 104 m<sup>2</sup> như ông B yêu cầu. Vì vậy, UBND xã T không có căn cứ để xác nhận diện tích sử dụng của hộ ông B đối với thửa đất này là 104 m<sup>2</sup>. Hơn nữa, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 thì yêu cầu xác định lại và công nhận cho hộ ông B diện tích sử dụng 104 m<sup>2</sup> tại thửa 199 tờ bản đồ số 8 xã T không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã T như người đại diện theo pháp luật của UBND xã đã trình bày là có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 60; điểm c khoản 5 Điều 60 Nghị định

43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 quy định: “2. .. *Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu nộp hồ sơ tại UBND cấp xã thì UBND cấp xã nơi có đất tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả...*”;...Nên vậy, UBND xã T chỉ có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; việc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ thuộc thẩm quyền của Chi nhánh Văn phòng đất huyện H.

Vì vậy, không có căn cứ để buộc UBND xã T phải xác nhận thửa 199, tờ bản đồ số 8 xã T có diện tích 104m<sup>2</sup> và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cho hộ ông Bàn.

[2.3] Tóm lại, như những nhận định về từng yêu cầu khởi kiện nêu trên thì Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng yêu cầu khởi kiện và áp dụng đúng quy định của pháp luật để nhận định về yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc B. Tại cấp phúc thẩm, ông B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác. HĐXX không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B. HĐXX quyết định bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 30; khoản 01 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính. Căn cứ khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 100, Điều 166, Điều 195, Điều 196, Điều 197, khoản 2 Điều 202 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 18; khoản 2, điểm c khoản 5 Điều 60; Điều 88 Nghị định 43/CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015.

1. Bác kháng cáo của ông Vũ Ngọc B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc B:

2.1. Bác yêu cầu về việc buộc UBND xã T tiến hành thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai giữa hộ ông B và hộ bà L (B2) đối với thửa đất số 202 tờ bản đồ số 8 xã T;

2.2. Bác yêu cầu buộc UBND xã T công nhận thửa đất 199 tờ bản đồ số 8 xã T diện tích 104m<sup>2</sup> và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ với diện tích đất này cho hộ ông B.

3. Án phí: Căn cứ Điều 349 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu giảm, miễn, nộp tiền án phí lệ phí Tòa án: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Vũ Ngọc B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TAND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Mai Anh Tuấn**